

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐĐT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miễn nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/05/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC10+RC6+RP1	7:25	0+5+16	0+0+0		0+5+17	0+0+0	Chuyen 1 RC10-RC6
2		BK8+BK5+VSP02	7:25	0+1+19	0+0+0		0+1+21	0+0+0	Chuyen 2 BK8-BK5
3		RP3	7:25	14	0		22	0	
4		RC5+TD2+RP1	9:25	11+0+8	0+0+0		11+0+11	0+0+0	Chuyen 2 TD2-RP1
5		VSP02+P11	9:25	14+0+0	0+0+0		20+0+2	0+0+0	
6		RP3+VSP02	9:25	14+0	0+0		18+4	0+0	
7		RCDM+ RC6	11:25	12+0	0+0		12+8	0+0	Hàng CTG (5/4/20)
8		MRM+P2	11:25	2+0	0+0		5+17	0+0	
9		RC4+RC6+P2	11:25	10+0+0	0+0+0		7+1+14	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 1 người chuyển tại RC10-RC6 đợt 1, từ RC6 về bờ đợt 3
2/ 8 người PPD về qua P2



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2023	TO: RC10 - RC6 - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - DTùng	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU QUANG TUYEN	RC6	08	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HAN	RC6	06	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
3	TU TUAN TU	RC6	09	1	5	60	84	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LA	RC6					70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VIET HA	RC6	07	1	10		65	PSV	Vietnamese
6	LE HUY TAM	RP1	22	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN TUAN ANH	RP1	17	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI NGOC LONG	RP1	18	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN BAO TRUNG	RP1	10	1	5	40	62	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG VU NHAT VINH	RP1	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM XUAN TRUONG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN QUANG THONG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN TRONG HIEU	RP1	14	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
14	QUACH VAN THAO	RP1	19	1	5		74	YTE	Vietnamese
15	ĐO VAN THANH	RP1	16	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LE TRI KHANH	RP1	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN NANG	RP1	11	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
18	VU BA NEP	RP1	15	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
19	TANG THANH DAN	RP1	20	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VAN LIEN	RP1	13	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC10	0	0	0	0	20	0 + 1		Chuyển 1 pax RC10-RC6
2	RC6	5	4	32	368	60	5		
3	RP1	15	13	59	1.056	40	17		
TOTAL		20	17	91	1.424	120	22		
WEIGHT KG				91	1.424	120			

GRAND TOAL: 1.635 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2023	TO: BK8 - BK5 - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO -	ETA: 09:30
VANG-1		QTrưởng	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	08	1	6	40	55	PSV	Vietnamese
2	ĐÀO MINH TUÂN	VSP02	27-28	2	8	20	92	YTE	Vietnamese
3	PHẠM TUÂN VIỆT	VSP02	25	1	8		92	DK9	Vietnamese
4	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02	34	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	40	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
6	SERGIENKO S.E	VSP02	39	1	5		85	KH-THAC	Russian
7	DUCHENKO A.L.	VSP02	35-36	2	11		132	KH-THAC	Russian
8	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	31	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN XUÂN KINH	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH THAO	VSP02					77	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ QUỐC TRINH	VSP02	26	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM DUY QUANG	VSP02					69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	30	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN CHIẾN THẮNG	VSP02	38	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02	37	1	10		79	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ XUÂN BÌNH	VSP02	24	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC QUANG	VSP02	32	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	33	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM TRỌNG TUÂN	VSP02	23	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	29	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	0	0	0	0	0	0	0	CHUYỂN 2 PAX TỪ BK8 SANG BK5
2	BK5	1	1	6	55	40	1		
3	VSP02	19	18	110	1.464	20	21		
TOTAL		20	19	116	1.519	60	22		
WEIGHT KG				116	1.519	60			

GRAND TOTAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 3	TO: RP3	CREW: CHIẾN - N.ANH - THỤ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC KHIÊM	RP3	05	1	4	80	90	KH-THAC	Vietnamese
2	LƯƠNG VĂN PHỒ	RP3	84	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN ANH ĐÔNG	RP3	01-02	2	11		80	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ TRỌNG LINH	RP3	06	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐO QUANG TỎ	RP3	07	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
6	CAO ĐỨC THANH	RP3	09	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	12-13	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
8	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	10-11	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	16	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐINH QUANG THANH	RP3	08	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN QUY HAI	RP3	14	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN SỸ ĐIỆP	RP3	15	1	6		79	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM MINH TOÀN	RP3	03-04	2	15		59	YTE	Vietnamese
14	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	17-18	2	11		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	14	19	123	1.012	80	20		
TOTAL		14	19	123	1.012	80	20		
WEIGHT KG				123	1.012	80			

GRAND TOAL: 1.215 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:00
FLIGHT: 4	TO: RC5 - TD2 - RP1	CREW: KHOÀN - MTHAO - QTrưởng	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRANG VIỆT CƯỜNG	RC5	91	1	6		78	D-HANH	Vietnamese
2	CAO THANH HOP	RC5	76	1	8	100	66	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI QUỐC VIỆT	RC5	78	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
4	TÔ TIẾN DŨNG	RC5	82-83	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
5	DUƠNG NHẬT THANH	RC5	81	1	17		77	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG ĐÌNH HOA	RC5	84-85	2	13		59	KH-THAC	Vietnamese
7	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5	77	1	6		80	PSV	Vietnamese
8	CAO DUY LŨNG	RC5	79	1	6		57	PSV	Vietnamese
9	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	RC5	80	1	7		52	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP1	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	VÔ VĂN ĐÔNG	RP1					71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT BĂNG	RP1	26	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN HUY	RP1	27	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RP1	30	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	RP1	28	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ VĂN VƯỢNG	RP1	29	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	9	11	76	626	100	11		CHUYEN 2 PAX TD2-RP1
2	TD2	0	0	0	0	0	0+2		
3	RP1	8	7	41	574	0	11		
TOTAL		17	18	117	1.200	100	22		
WEIGHT KG				117	1.200	100			

GRAND TOAL: 1.417 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2023	TO: VSP02 - P11	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - DTùng	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI XUÂN TIỀN	VSP02	93	1	4	20	62	KH-THAC	Vietnamese
2	VU THAI SON	VSP02	95	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	HA MẠNH THẮNG	VSP02	90	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI HUY BINH	VSP02	94	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
5	TÔ VĂN HÙNG	VSP02	96	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02					69	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐO TRUNG DUNG	VSP02	89	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
8	VÔ TẤN LINH	VSP02	91	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM HỮU TRI	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TUNG DƯƠNG	VSP02	87	1	8		57	ANTOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGỌC	VSP02	92	1	5		72	PSV	Vietnamese
12	NGÔ VĂN GIAO	VSP02	97	1	7		90	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN XUÂN ANH	VSP02	88	1	12		78	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN TÔ THANH	VSP02	86	1	10		67	SHINTRAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	14	12	74	948	20	20		
2	P11	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		14	12	74	948	20	22		
WEIGHT KG				74	948	20			

GRAND TOAL: 1.042 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: RP3 - VSP02	CREW: CHIẾN - N.ANH - THỤ	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN TIẾN	RP3	31	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN VIỆT HÙNG	RP3	38	1	4		57	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	39-40	2	12		62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH BÌNH	RP3	35	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG HAI HA	RP3	41	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	33-34	2	14		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	24-25	2	20		69	KH-THAC	Vietnamese
8	VÕ THANH LÂM	RP3	27-28	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	26	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
10	HUYNH TÂN NGON	RP3	29	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	32	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ QUANG HÙNG	RP3	36-37	2	14		74	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	30	1	8		83	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	13	18	111	898	0	18		
2	VSP02	0	0	0	0	20	4		
TOTAL		13	18	111	898	20	22		
WEIGHT KG				111	898	20			

GRAND TOAL: 1.029 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/05/2023	TO: RP3 - RP1 - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Dương - CHIẾN - Toan	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP3	46	1	5	75	85	KH-THAC	Vietnamese
2	PANKRATOV R	RP3	56	1	10		90	KHI	Russian
3	NGUYỄN XUÂN SANG	RP3	54	1	3		60	KHI	Vietnamese
4	TRẦN VĂN SEN	RP3	42	1	5		70	KHI	Vietnamese
5	LÂM TIẾN PHI	RP3	53	1	5		86	KHI	Vietnamese
6	PHẠM TRUNG DUNG	RP3	49	1	5		80	KHI	Vietnamese
7	HỒ VĂN LƯƠNG	RP3	43	1	7		65	KHI	Vietnamese
8	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	67-68	2	10		57	KHI	Vietnamese
9	ĐẶNG HUY KHANH	RP3	50	1	4		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TRUNG HOA	RP3	48	1	12		78	KHI	Vietnamese
11	LÊ XUÂN VIỆT	RP3	44	1	3		77	KHI	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	45	1	3		82	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT KY	RP3	55	1	8		72	KHI	Vietnamese
14	NGÔ NGỌC HÂN	RP3	51-52	2	8		67	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN LẬP	RP3					61	KHI	Vietnamese
16	PHẠM BÌNH NAM	RP3	23	1	5		60	KHI	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG LINH	RP3	57	1	6		75	KHI	Vietnamese
18	KHÔNG TIẾN DUNG	RP3	47	1	6		78	KHI	Vietnamese
19	MAI NGỌC CƯỜNG	RP3	65	1	6	46	70	KHI	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG VINH	RP3	64	1	6		75	KHI	Vietnamese
21	MAI VĂN NGHỊ	RP3	66	1	6		75	KHI	Vietnamese
22	TRẦN LÊ RANG	PPD	68	1	3		85	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	21	22	123	1.538	121	14		
2	RP1	0	0	0	0	0	2		
3	PPD	1	1	3	85	0	6		
TOTAL		22	23	126	1.623	121	22		
WEIGHT KG				126	1.623	121			

GRAND TOAL: 1.870 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/05/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	TO: RCDM	CREW: CHIẾN - N.ANH - THỤ	ETA: 14:00
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRUNG TIN	RCDM	97	1	8	65	93	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN BUI NAM	RCDM	99	1	5		92	KH-THAC	Vietnamese
3	CHU TIEN BINH	RCDM	29-30	2	9		69	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH MINH ĐỨC	RCDM	31-32	2	20		65	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAN VAN HOC	RCDM	98	1	15		60	XAYLAP	Vietnamese
6	LUU QUY DUNG	RCDM	91	1	14		57	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN ĐÔNG	RCDM	92-93	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN CONG TUYEN	RCDM	01,300	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
9	NINH VAN SON	RCDM	61,700	2	18		73	XAYLAP	Vietnamese
10	DO XUAN PHUONG	RCDM	94-95	2	20		64	XAYLAP	Vietnamese
11	HÔ TRỌNG BẢNG	RCDM	96	1	7		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	11	17	151	779	65	12		
TOTAL		11	17	151	779	65	12		
WEIGHT KG				151	779	65			

GRAND TOTAL: 995 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/05/2023	TO: MRM - P2	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: TTrung - ĐNam - DTùng	ETA: 14:05
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO XUÂN VINH	MRM	88	1	10		80	PVDWS	Vietnamese
2	DƯƠNG MẠNH QUYẾT	MRM	89	1	15		90	PVDWS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	2	2	25	170	0	5		
2	P2	0	0	0	0	60	17		
TOTAL		2	2	25	170	60	22		
WEIGHT KG				25	170	60			

GRAND TOAL: 255 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/05/2023	TO: RC4 - RC6 - P2	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:20
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Linh - NPhú - Huy	ETA: 14:10
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HUU TOAN	RC4	49	1	3	35	75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC TU	RC4	48	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐANG TRUNG HIEU	RC4	01-02	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN THANH SON	RC4	98-99,200	3	20		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN XUAN THANH	RC4	46	1	12		69	KH-THAC	Vietnamese
6	VU DINH DAI	RC4	39-40	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG VAN THAM	RC4	41-42	2	18	10	61	T-TIN	Vietnamese
8	LE VAN LOC	RC4	44-45	2	10		57	T-TIN	Vietnamese
9	TRAN CAO MONG	RC4	47	1	7		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	9	15	103	602	45	6		
2	RC6	0	0	0	0	0	1		
3	P2	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		9	15	103	602	45	21		
WEIGHT KG				103	602	45			

GRAND TOAL: 750 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN